

Số 03-HD/UBKTTW

HƯỚNG DẪN

thực hiện một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khoá XIII;
- Căn cứ Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;
- Căn cứ Quyết định số 56-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập (gọi tắt là Quy chế),

Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Hướng dẫn việc tiếp nhận, quản lý, khai thác, xác minh, kiểm tra, giám sát, cung cấp thông tin và báo cáo về kiểm soát tài sản, thu nhập đối với cán bộ, đảng viên của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

2. Giải thích từ ngữ

2.1. Tài sản, thu nhập phải kiểm soát bao gồm:

- Tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên thuộc đối tượng có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 1, khoản 6, khoản 8, Điều 3, Quy chế (gọi chung là đối tượng có nghĩa vụ kê khai).
- Tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên của đối tượng có nghĩa vụ kê khai.

2.2. Kiểm soát tài sản, thu nhập: Là hoạt động do Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước để kết luận về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng đối với tài sản, thu nhập, biến động về tài sản, thu nhập, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm của đối tượng có nghĩa vụ kê khai.

2.3. Xác minh tài sản, thu nhập: Là việc Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập kiểm tra, làm rõ nội dung kê khai về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai và tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm của đối tượng có nghĩa vụ kê khai.

3. Tiếp nhận bản kê khai tài sản, thu nhập

3.1. Thời hạn tiếp nhận bản kê khai tài sản, thu nhập

- Việc tiếp nhận bản kê khai thực hiện thống nhất theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ nơi đối tượng có nghĩa vụ kê khai công tác gửi bản kê khai tài sản, thu nhập của đối tượng có nghĩa vụ kê khai hình thành trước thời điểm ban hành Hướng dẫn này, nộp về Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập trước ngày 31/01/2023.

- Định kỳ, đột xuất, khi thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ nơi đối tượng có nghĩa vụ kê khai công tác có trách nhiệm gửi bản kê khai tài sản, thu nhập cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

3.2. Đối tượng nộp bản kê khai tài sản, thu nhập

- Cán bộ, đảng viên lần đầu được bổ nhiệm, bầu vào các chức danh, chức vụ thuộc đối tượng có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm cung cấp bản kê khai tài sản, thu nhập trước đó (*theo yêu cầu*).

- Đối tượng có nghĩa vụ kê khai theo quyết định, thông báo, kết luận của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập yêu cầu (nếu có).

- Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập các cấp căn cứ Quy định số 80-QĐ/TW, ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử để xác định đối tượng có nghĩa vụ kê khai của cấp mình theo quy định.

4. Quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập

- Cấp Trung ương: Vụ Tổng hợp, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Cấp tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương và tương đương: Phòng Nghiệp vụ có chức năng làm công tác tổng hợp, thống kê của Cơ quan ủy ban kiểm tra.

- Cấp huyện ủy, quận ủy và tương đương: Cơ quan ủy ban kiểm tra là bộ phận tiếp nhận, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập của đối tượng có nghĩa vụ kê khai.

Bộ phận tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận bản kê khai từ đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của đối tượng có nghĩa vụ kê khai để quản lý, số hoá, cập nhật thông tin của bản kê khai tài sản, thu nhập; cung cấp thông tin và tổng hợp, báo cáo, lưu trữ theo quy định.

5. Khai thác thông tin, dữ liệu kê khai tài sản, thu nhập

- Thông tin, dữ liệu kê khai tài sản, thu nhập được quản lý, khai thác để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, xác minh tài sản, thu nhập; cung cấp theo

yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ban thường vụ cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên.

- Cung cấp thông tin, dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên thuộc thẩm quyền quản lý cho Thanh tra Chính phủ theo quy định tại Điều 9, Quy chế.

- Việc quản lý, khai thác thông tin kê khai tài sản, thu nhập của đối tượng có nghĩa vụ kê khai tại Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định về công tác lưu trữ, hồ sơ nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát.

6. Xác minh tài sản, thu nhập

6.1. Xây dựng kế hoạch xác minh

- Hằng năm, thường trực ủy ban hoặc ủy ban kiểm tra (nơi không có thường trực ủy ban) xây dựng, ban hành kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập của đối tượng có nghĩa vụ kê khai do cấp ủy cấp mình quản lý.

- Số lượng đảng viên được xác minh tài sản, thu nhập được lựa chọn tối thiểu bằng 10% số người có nghĩa vụ kê khai hằng năm (bao gồm cả người có nghĩa vụ kê khai là đối tượng kiểm tra, giám sát, giải quyết tố cáo), trước hết là đảng viên có đơn, thư phản ánh, tố cáo biến động về tài sản, thu nhập; đảng viên công tác tại cơ quan, đơn vị dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực và đảng viên là người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị.

6.2. Xác minh trong giám sát, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo

Trong thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo có nội dung xác minh về tài sản, thu nhập thì ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện theo quy định, quy trình về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

6.3. Xác minh theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng

Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý cán bộ và cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có liên quan tổ chức xác minh tài sản, thu nhập đối với đối tượng có nghĩa vụ kê khai khi thực hiện quyết định xác minh tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng.

7. Thông tin, báo cáo về kiểm soát tài sản, thu nhập

- Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập tổng hợp kết quả kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập hằng năm, báo cáo ban thường vụ cấp ủy cùng cấp và Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập cấp trên theo quy định về chế độ báo cáo công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

- Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có trách nhiệm cung cấp thông tin kê khai và kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập của đối tượng có nghĩa vụ kê khai đang quản lý (bao gồm cả bản kê khai chi tiết) cho đoàn (tổ) kiểm tra, xác minh tài sản, thu nhập và Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập cấp trên khi được yêu cầu.


8. Ứng dụng công nghệ thông tin

- Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm tham mưu xây dựng Phần mềm quản lý, khai thác bản kê khai tài sản, thu nhập phục vụ cho nhiệm vụ kiểm soát tài sản, thu nhập để thực hiện thống nhất trong Ngành Kiểm tra Đảng.

- Trong thời gian chưa có Phần mềm đưa vào sử dụng, đơn vị thực hiện việc tiếp nhận, quản lý và xử lý thông tin bản kê khai tài sản, thu nhập và lưu trữ theo quy định.

9. Tổ chức thực hiện

Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định. 

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (đề b/c),
- Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc TW,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc TW,
- Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp TW,
- Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TW,
- Các đồng chí Thành viên UBKTTW,
- Các đồng chí Thư ký Chủ nhiệm,
- Các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan UBKTTW,
- Lưu: VT,LT-CNTT, Vụ NC (12b).

**T/M ỦY BAN KIỂM TRA
PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG TRỰC**



Trần Văn Rón